

Bản án số: 24/2024/ HNGĐ- ST

Ngày 17/6/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Tố U, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã L, thành phố C, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Tổ 12, khu phố P, thị trấn P, tỉnh B- V.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng Đ, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn An L, xã L, thành phố C, tỉnh H.

Chị U vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Ngô Thị Tố U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tố U và anh Nguyễn Đăng Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2020 tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại L, C, H. Khi chị U mang thai được 04 tháng thì anh Đ phải đi chấp hành án phạt tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” hơn 3 năm. Trong thời gian anh Đ chấp hành án chị U sinh con và nuôi con vất vả nhưng vẫn thăm nom anh Đ đều đặn, tình cảm vợ chồng bình thường. Từ đầu năm 2024, anh Đ chấp hành án xong về nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ thường hay uống rượu và đánh đập chị. Ngày 23/3/2024, chị U đưa con về nhà mẹ đẻ ở tỉnh B - V sinh sống, sống ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24/6/2021 hiện đang sống cùng chị U. Chị U đề nghị Tòa án giao cháu Q cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi, trong thời gian anh Đ đi chấp hành án, chị vẫn trông nom, chăm sóc cháu Q khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện tại chị và cháu Q sống cùng mẹ đẻ là bà Trương Thị T, sinh năm 1971 trú tại tổ 12 khu phố P, thị trấn P, tỉnh B- V. Chị U làm công nhân tại công ty TNHH HIKOSEN CARA; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, phường R, thành phố V, tỉnh B- V thu nhập 8.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị còn làm thêm ngoài giờ để kiếm thêm thu nhập là bán hàng online, thời gian chủ động nên đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa mẹ đẻ chị cũng hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu Q.

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đăng Đ, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh Đ đã nhận các tài liệu, thông báo của Tòa án và có quan điểm không đồng ý ly hôn, không bỏ vợ, bỏ con. Anh cũng trình bày khi chị U mang thai được 3 tháng thì anh phải đi chấp hành án phạt tù 39 tháng. Ngày 27/01/2024 thì anh chấp hành án xong. Trong thời gian chấp hành án, chị U vẫn thường xuyên thăm nom anh. Cuối tháng 3 năm 2024 anh chị bất đồng quan điểm sống nên xảy ra cãi nhau, tuy nhiên chỉ cãi nhau về những việc nhỏ nhặt. Ngày 23/3/2024 chị U đưa con về sinh sống cùng mẹ đẻ tại tỉnh B - V. Anh đã gọi điện khuyên chị U về chung sống để nuôi dạy con nhưng chị U không nghe, không quay về. Chị U xin ly hôn, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24/6/2021 hiện đang sống cùng chị U. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q. Anh làm lao động tự do, lái xe taxi thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bà Trương Thị T - mẹ đẻ chị U trình bày: Chị U và anh Đ kết hôn với nhau ngày 29/7/2020, chung sống với nhau tại thôn A, xã L. Đến nay anh chị bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc, chị U xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ pháp luật để giải quyết. Chị U và con gái là cháu Nguyễn Thị Tố Q đã về chung sống cùng bà. Nếu anh chị ly hôn, chị U được nuôi con, gia đình bà cũng nhất trí và tạo điều kiện về nơi ăn chốn ở cho mẹ con chị U cũng như phụ giúp chị U về mọi mặt trong việc chăm sóc con.

Bà Vũ Thị H- mẹ đẻ anh Đ trình bày: Anh Đ và chị U được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Ng, sau đó về chung sống tại nhà bà ở thôn A, xã L. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2024 thì anh chị có mâu thuẫn nhưng không rõ mâu thuẫn là gì. Chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh B- V từ tháng 3/2024 đến nay. Anh Đ có tìm đón nhưng chị U không về. Bà không đồng ý anh chị ly hôn vì không muốn con cái phải khổ, nguyện vọng của người làm cha làm mẹ như bà chỉ mong anh chị đoàn tụ nuôi dạy con cái. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24/6/2021 hiện đang sống cùng chị U. Nếu 2 anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Q cho anh Đ nuôi dưỡng vì nhà ông bà có nhà cửa rộng rãi, có thời gian chăm sóc cháu. Về tài sản chung bà không nắm được.

- Biên bản xác minh với ông Lê Thanh S- trưởng thôn A, xã L, thành phố C: Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại A, L, thành phố C. Anh Đ và chị U có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh Đ ở A, L. Mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Anh Đ mới đi chấp hành án phạt tù trở về địa phương khoảng 3 - 4 tháng. Trước khi đi chấp hành án, anh Đ làm nghề lái xe. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 2021 hiện đang sống cùng chị U. Về tài sản chung: địa phương không nắm được. Việc chị U xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ pháp luật giải quyết.

- Đơn xin xác nhận lưu trú của chị Ngô Thị Tố U tại tổ 12, khu phố P, thị trấn Phước H, huyện Đ, tỉnh B R- V T được Công an thị trấn Phước H xác nhận nơi ở của chị U.

Tại phiên tòa:

Chị U và anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ngô Thị Tố U được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Đ; về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q sinh ngày 24 tháng 6 năm 2021 hiện đang ở cùng chị U. Giao con chung là Nguyễn Thị Tố Q sinh ngày 24 tháng 6 năm 2021 cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị Ngô Thị Tố U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Ngô Thị Tố U khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đăng Đ có địa chỉ cư trú tại xã L, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đăng Đ là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị U vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị U và anh Đ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tố U và anh Nguyễn Đăng Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị U anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị U được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2021. Hiện tại cháu Q đang do chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị U, anh Đ thấy rằng: Chị U và anh Đ đều làm lao động tự do. Chị U làm tại công ty TNHH HIKOSEN CARA, mức thu nhập 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm nghề bán hàng trên mạng, thời gian chủ động nên đủ điều kiện nuôi con, mẹ đẻ chị hỗ trợ thêm cho chị trong việc chăm sóc cháu Q. Anh Đ làm lái xe thu nhập trung bình 20.000.000/tháng. Anh chị đều có việc làm, thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị U và anh Đ đều được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị đều chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Tuy vậy cháu Q là con gái, dưới 36 tháng tuổi cần có mẹ trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng hơn nữa từ khi sinh ra đến nay đều do chị U nuôi dưỡng nên việc giao cháu Q cho chị U nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu Q. Chị U không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Thị Tố Q cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị U tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị U và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị U là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Tố U.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Tố U ly hôn anh Nguyễn Đăng Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Tố Q, sinh ngày 24 tháng 6 năm 2021 cho chị U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị U. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị Tố U phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị U đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 Số: 0003949 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- UBND xã Khánh Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh